

Bản án số: 515/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 01/6/2026

V/v Tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Hứa Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Vinh và bà Bùi Thị Mai

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa:

Ông Nguyễn Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2026/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988. CCCD số 001088xxxxxx do Cục C1 về trật tự xã hội cấp ngày 03/01/2025.

Bị đơn: Chị Lê Thị Quỳnh D, sinh năm 1991. CCCD số 001191xxxxxx do Cục C1 về trật tự xã hội cấp.

Đều thường trú và nơi ở: Thôn P, xã N, TP ..

(anh L có mặt, chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cùng lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Diệu Q hai bên tự do tìm hiểu khoảng 06 tháng thì quyết định kết hôn. Tại thời điểm kết hôn, anh và chị D hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, Thành phố Hà Nội (nay là xã N, Thành phố Hà Nội) vào ngày 13/12/2013, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, anh và chị D sinh sống tại thôn P, xã N, Thành phố Hà Nội đến khoảng năm 2022 anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không còn quan tâm đến tình cảm và không chia sẻ với nhau những vấn đề phát sinh cuộc sống hôn nhân. Mâu thuẫn chính là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến cuộc sống rơi vào bế

tắc. Năm 2023 chị D tự ý bỏ nhà về mẹ đẻ, anh chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh L, chị D không gặp gỡ cũng như không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay, anh L xác định không còn tình cảm với chị D, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh L và chị D có 02 con chung là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 11/9/2014 và Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 13/11/2016. Cả hai con chung đều đang ở cùng anh L. Ly hôn, anh L có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh L đang làm việc tại Công ty N, thu nhập 10.000.000 – 15.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị Quỳnh D vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị D đều vắng mặt, Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhưng chị D không có mặt tại gia đình, vì vậy Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Theo bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa của cháu Nguyễn Bảo C và Nguyễn Mạnh T là 02 con chung của anh L và chị D: Các cháu đều đang sống cùng anh L tại thôn P, xã N, Thành phố Hà Nội. Nay anh L, chị D ly hôn, nguyện vọng của hai cháu đều xin được ở với anh L.

* Theo lời khai của ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1960 là bố đẻ của anh L: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, lời khai của anh L là đúng, anh L và chị D lấy nhau là tự nguyện. Sau khi cưới, anh L và chị D sống cùng với bố mẹ anh L tại thôn P, xã N, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống ông nhận thấy anh chị Luân D1 có nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, hai bên có to tiếng với nhau nhưng sau đó hai bên tự hòa giải, theo ông L1 vợ chồng 2 cháu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế. Khoảng tháng 11/2023 chị D1 tự đi khỏi gia đình ông, trong khoảng thời gian đó mẹ đẻ chị D1 vẫn qua lại thăm hỏi các cháu. Giữa chị D1 và gia đình ông không có mâu thuẫn gì. Chị D1 và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 11/9/2014 và cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 13/11/2016. Cả hai cháu đều đang ở cùng anh L và gia đình ông L1. Anh L đang làm việc tại Công ty N, thu nhập 14.000.000 đồng/ tháng. Gia đình ông cam đoan sẽ tạo điều kiện về chỗ ở cho anh L có đủ điều kiện để chăm lo tốt nhất về mọi mặt cho các con chung. Nay anh L xin ly hôn với chị D1, Ông L1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án xem xét cho anh L được nuôi dưỡng 02 con chung. Về các vấn đề khác không nắm được và không có ý kiến gì.

* Qua xác minh tại UBND xã N thể hiện: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị Quỳnh D kết hôn, đăng ký thường trú tại thôn P, xã N, Thành phố Hà Nội. Anh chị kết hôn là tự nguyện và có được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục tập quán tại địa phương, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn P, xã N,

Thành phố Hà Nội. Khoảng năm 2022 giữa anh L và chị D phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau mâu thuẫn chủ yếu phát sinh từ kinh tế và đã sống ly thân. Hiện tại anh L và chị D không sinh sống cùng một nhà. Anh L và chị D có 02 con chung Nguyễn Bảo C, sinh ngày 11/9/2014 và Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 13/11/2016. Hiện nay các con chung ở với anh L. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa phương không nắm bắt được. Về việc làm thu nhập chính quyền địa phương không nắm bắt được. Nay anh L yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đồng thời xem xét các điều kiện để đảm bảo quyền lợi cho các con chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chị Lê Thị Quỳnh D chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh L, xử cho anh L được ly hôn chị D. Chị D đã được triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 11/9/2014 và cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 13/11/2016 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho chị D đến khi có yêu cầu. Chị D có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản;

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã D (Nay là UBND xã N) cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án HNGĐ về việc “*tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn chị Lê Thị Quỳnh D có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã N, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều

28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị Quỳnh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/12/2013, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh L và chị D không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Tại phiên tòa, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, anh đề nghị được ly hôn với chị D. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, anh Nguyễn Văn L đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của anh L xin ly hôn.

[2.2] Về con chung: Xét anh L có công việc thu nhập ổn định, gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện chỗ ở cho ba bố con sau khi ly hôn cùng nguyện vọng của hai con chung nên giao anh L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Bảo C, sinh ngày 11/9/2014 và Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 13/11/2016 đến khi các con chung trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi là phù hợp pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D đến khi có yêu cầu. Chị D có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51;56;58;81;82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 28,35,39,147,227,271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn L đối với chị Lê Thị Quỳnh D.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Lê Thị Quỳnh D.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Bảo C, sinh ngày 11/9/2014 và Nguyễn

Mạnh T, sinh ngày 13/11/2016 đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị D đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/26E/0004667 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- PTHADS Khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND xã N;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Hà